TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: **982**/2022/HNGĐ - ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2022.
V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà N B H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà T T T V
2. Bà D T A

- ***Thư ký phiên toà***: Bà N H N - Thư ký Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa* tham gia phiên tòa: Bà P T T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại phòng xét xử trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 429/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 229/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N T D, sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú: Số x ngách 29/y Xã Đàn (Cũ: Số z tổ m) phường X, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, xã Z, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh L V T**, sinh năm 1965

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số x ngách 29/y Xã Đàn (Cũ: Số z tổ m) phường X, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2021, Bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Chị N T D trình bày:***

- Về Quan hệ hôn nhân: Chị N T D và anh L V T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội ngày 20/2/1998. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn, chị D và anh T chung sống tại số x ngách 29/y Xã Đàn (Cũ: Số z tổ m) phường X, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Đến khoảng đầu năm 2009, chị D chuyển về sống tại Thôn X, xã Z, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội và ở ổn

định từ đó cho đến nay. Còn anh T vẫn sống tại địa chỉ số x ngách 29/y Xã Đàn (Cũ: Số z tổ m) phường X, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống, chị D và anh T đã phát sinh mâu thuẫn vì lúc này chị D phát hiện ra anh T nghiện ma túy từ nhiều năm trước. Cuộc sống sau khi kết hôn của anh chị luôn xảy ra cãi vã, xô xát, anh T thường xuyên đánh đập chị D. Quá trình chung sống đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh T nghiện ma túy nặng hơn, sử dụng ma túy bằng phương thức hít Heroin qua đường mũi nên gây ra hiện tượng ảo giác hoang tưởng rất đáng sợ, anh T thường xuyên đánh chửi chị D, tính tình bất thường. Chị D sợ nên bỏ trốn về nhà mẹ đẻ ở, còn con gái chị ở nhà chị chồng cạnh nhà anh T, không dám về theo chị D vì sợ bố đánh và cũng do đang học hành ổn định trên Hà Nội nên không muốn theo chị D về sống tại Thôn X, xã Y, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội. Chị D và anh T đã ly thân từ năm 2009 đến nay mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- ***Về con chung***: Chị N T D và anh L V T có 02 con chung là cháu: L M D (giới tính nam), sinh ngày 18/01/1998 và cháu L T T (giới tính nữ), sinh ngày 21/01/2007. Cháu L M D chết ngày 01 tháng 7 năm 2011. Nay ly hôn, chị D đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu T để giải quyết. Trong trường hợp cháu T có nguyện vọng ở với anh T, chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng. Trường hợp cháu có nguyện vọng được ở với mẹ thì chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Chị N T D và anh L V T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ*:* Chị N T D và anh L V T không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị D tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí Ly hôn.

Ngoài ra, chị D không trình bày gì thêm và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2022, bị đơn anh L V T trình bày:***

Anh T đã nhận được: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng do anh T bận nên không đến Tòa.

- Về tình cảm: Anh T đồng ý ly hôn chị D vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn. Anh T đã nhận được Quyết định đưa

vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh không tham gia phiên tòa, anh T đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh T.

- Về con chung: Anh L V T và chị N T D có 02 con chung là cháu: L M D (giới tính nam), sinh ngày 18/01/1998 và cháu L T T (giới tính nữ), sinh ngày 21/01/2007. Cháu L M D mất ngày 01/7/2011. Nay ly hôn, anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu T để giải quyết. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu T và đồng ý với sự tự nguyện của chị D cấp dưỡng nuôi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Anh L V T và chị N T D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ*:* Anh L V T và chị N T D không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T đồng ý để chị D nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị N T D có mặt, chị D vẫn giữ nguyên phần trình bày tại Tòa án trước đây.

Bị đơn – anh L V T vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai, anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị D. Anh T có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật dân sự quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N T D; Về con chung: Giao cháu L T T (Giới tính: Nữ); sinh ngày 21/01/2007 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.00.000 đồng (một triệu đồng)/01 tháng. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị D và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về nợ: Chị D và anh T xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà,căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về tố tụng**:

1.1 Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong vụ án: Xác định tranh chấp giữa chị N T D và anh L V T là: "Tranh chấp Ly hôn". Anh T có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số x ngách 29/y Xã Đàn, phường X, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2 Về thủ tục:

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Thắng.

[2]. **Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị N T D và anh L V T thể hiện: chị N T D và anh L V T có đăng ký kết hôn số 13 quyển số 01 ngày 20/02/1998 tại UBND phường X, quận Đống Đa, TP Hà Nội trên cơ sở tự nguyện - đây là Hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T: Hội đồng xét xử thấy việc chấp nhận yêu cầu ly hôn phải phụ thuộc vào mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Lời khai của chị D đã thể hiện: Anh T nghiện ma túy nhiều năm... Lời khai của chị D và anh T cùng xác nhận: Anh chị sống hòa thuận đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị trầm trọng, không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn. Chị D và anh T đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tòa án đã nhiều lần tống đạt Giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T đều không có mặt tại Tòa án để trình bày nguyện vọng của mình, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2022, anh T đồng ý ly hôn chị D và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình". Với điều kiện hoàn cảnh thực tế như chị D, anh T không thể có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được. Từ nhận định trên, Hội đồng

xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi bên.

Vì vậy, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu: L M D (giới tính nam), sinh ngày 18/01/1998 và cháu L T T (giới tính nữ), sinh ngày 21/01/2007. Cháu L M D đã chết ngày 01/7/2011. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu T và đồng ý với sự tự nguyện của chị D cấp dưỡng nuôi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng.

Xét việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi của con chung. Theo nguyện vọng của cháu T thì cháu T có nguyện vọng được ở với bố (là anh L V T) vì bố là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ nhiều năm nay. Như vậy, cần giao cháu L T T (Giới tính: Nữ); sinh ngày 21/01/2007 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D tự nguyện cấp dương nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị N T D và anh L V T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ: Chị N T D và anh L V T xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

- Về án phí: Chị N T D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- ***Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N T D.***
- ***Chị N T D được ly hôn anh L V T.***

- ***Về con chung***: Xác nhận chị N T D và anh L V T có 02 con chung là cháu: L M D (giới tính nam), sinh ngày 18/01/1998 và cháu L T T (giới tính nữ), sinh ngày 21/01/2007. Cháu L M D đã chết ngày 01/7/2011. Khi ly hôn, giao cháu L T T (giới tính nữ), sinh ngày 21/01/2007 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Chị N T D có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị N T D và anh L V T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- ***Về nợ***: Chị N T D và anh L V T xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xét.

- ***Về án phí***: Chị N T D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai số 0070160 ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. (Chị D đã nộp đủ án phí).Chị D phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm, chị N T D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Anh L V T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ Bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội
- Viện kiểm sát quận Đống Đa
- Nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Đương sự
- lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

N B H

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**